

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/3/2018

V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Công Du;
2. Bà Trần Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm là Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2018/QĐSTXX- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị S, sinh năm 1977, trú tại: Thôn T, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2- *Bị đơn:* Anh Bùi Đình M, sinh năm 1973, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị S trình bày: Chị và anh Bùi Đình M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 và có tổ chức đám cưới và chứng kiến của hai bên gia đình nhưng không đăng ký kết hôn. Chị và anh M chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn T, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ sau khi chị sinh con đầu lòng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh M sống thiếu trách nhiệm với vợ con, anh chơi bời cờ bạc và nhiều lần đánh chửi, xúc phạm chị. Do kinh tế vợ chồng khó khăn anh M nhất trí chị đi làm kinh tế, anh M ở nhà một thời gian thì anh M cũng gửi con cho bố mẹ chị và đi chung sống với người phụ nữ khác. Chị biết đã khuyên can anh M nhưng không có kết quả. Chị đi làm và nuôi

02 con chu đáo, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị và anh M lấy nhau không đăng ký kết hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Vũ Thị S trình bày chị và anh Bùi Đình M có 02 con chung là Bùi Thị N, sinh ngày 04 tháng 10 năm 1997 và Bùi A, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2006, hiện nay con Bùi Thị N đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được nuôi con Bùi A và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Vũ Thị S trình bày chị và anh Bùi Đình M không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Bùi Đình M thể hiện: Anh thống nhất với chị S về thời gian, điều kiện chung sống và việc vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống từ sau khi cưới vợ chồng ở tại thôn T, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương và có 02 con chung. Quá trình chung sống do kinh tế vợ chồng khó khăn anh nhất trí cho chị S đi làm kinh tế, sau đó anh gửi 02 con cho bố mẹ chị S chăm sóc và anh vào Miền Nam làm ăn. Từ năm 2011 vợ chồng ly thân nhau mỗi người một nơi nên không còn tin tưởng nhau về tình cảm và đến năm 2017 anh về ở với mẹ đẻ anh tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Do anh và chị S lấy nhau không đăng ký kết hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh M trình bày anh và chị Vũ Thị S chung sống có 02 con chung họ, tên, tuổi như chị S trình bày. Hiện con Bùi Thị N đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý nhường chị S nuôi con Bùi A, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2006 và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Vũ Thị S và bị đơn là anh Bùi Đình M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng chị S và anh M đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Vũ Thị S và anh Bùi Đình M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị S và anh Bùi Đình M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 tại thôn T, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không có chung quan điểm, tính cách lối sống không phù hợp nhau trong khi kinh tế vợ chồng khó khăn không có sự chia sẻ và yêu thương nhau và nhiều lần xảy ra xô xát. Về tình cảm vợ chồng không tin tưởng nhau và sống ly thân nhau từ năm 2011 mỗi người một nơi hai bên không quan tâm đến nhau; anh M về xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng sống với mẹ đẻ. Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy chị Vũ Thị S và anh Bùi Đình M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2016. Tuyên bố không công nhận chị Vũ Thị S và anh Bùi Đình M là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị S và anh M có 02 con chung là Bùi Thị N, sinh ngày 04 tháng 10 năm 1997 và Bùi A, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2006. Hiện con Bùi Thị N đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị S, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị S đề nghị được nuôi con Bùi A và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, anh Bùi Đình M đồng ý. Xét thấy từ khi chị S và anh M sống ly thân, chị S nuôi con chu đáo, chị có việc làm, có nhà ở ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con, cháu Bùi A có đơn xin được ở với chị S nên việc giao con Bùi A cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị S và anh M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và các Điều 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị S và anh Bùi Đình M.

2. Về con chung: Giao con Bùi A, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2006 cho chị Vũ Thị S nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Bùi Đình M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002797 ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Vũ Thị S và anh Bùi Đình M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn